

## Biểu số 1

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ NĂM 2020***(Kèm theo Nghị quyết số 376/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b><u>TỔNG SỐ</u></b>					<b><u>3.845.596</u></b>	<b><u>2.063.666</u></b>	<b><u>626.239</u></b>	<b><u>6.400</u></b>		<b><u>626.239</u></b>	
A	Vốn ngân sách tập trung cấp tỉnh quản lý					3.845.596	2.063.666	626.239	6.400	-	626.239	
	Trong đó:											
I	Chuẩn bị đầu tư					100.000	100.000	10.000	-	-	1.130	
1	Lập quy hoạch					1.900	1.900	1.100			640	
	- Xây dựng nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở KHĐT		2020	Số 22/QĐ-UBND.HC ngày 10/01/2020 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt đề cương và nhiệm vụ lập quy hoạch	1.108	1.108	1.100			640	
2	Hạ tầng đô thị - công nghiệp, TMDL					497	497	-	-	-	490	
	Hạ tầng Khu công nghiệp Ba Sao	BQL KKT		2020	Số 70/QĐ-KKT ngày 26/6/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế Đồng Tháp	497	497				490	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	Còn lại đang phân khai					8.900	8.900	8.900				
II	Thực hiện đầu tư					3.660.367	1.894.666	616.239	6.400	-	560.109	
	* Theo lĩnh vực					3.660.367	1.894.666	616.239	6.400	-	560.109	
1	An ninh Quốc phòng					283.629	210.800	49.100	-	-	35.197	9,53%
2	Công nghệ thông tin					94.662	61.800	20.600	-	-	20.600	3,38%
3	Giao thông					1.761.456	703.167	171.772	1.900	-	263.322	23,00%
4	Hạ tầng đô thị - công nghiệp, TMDL					546.430	392.838	159.885	-	-	40.705	27,41%
5	Khoa học công nghệ					28.873	25.986	6.500	-	-	-	1,19%
6	Nông nghiệp và PTNT					204.286	53.550	29.000	-	-	15.900	4,08%
7	Quản lý Nhà nước					607.382	366.916	143.394	4.500	-	167.200	25,17%
8	Văn hóa - Xã hội					43.649	39.609	21.200	-	-	8.185	3,89%
9	Thanh toán chi phí tất toán công trình hoàn thành					90.000	40.000	14.788	-	-	9.000	2,36%
10	Số vốn đang rà soát chuẩn bị phân khai					-	-	-	-	-	-	
	* cụ thể như sau:											
1	An ninh Quốc phòng					283.629	210.800	49.100	-	-	35.197	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020					124.956	69.200	21.500	-	-	21.500	
a	Dự án nhóm B					108.000	54.000	20.000	-	-	20.000	
1	- Đối ứng 03 đồn biên phòng Cầu Muống, Bình Thạnh, cửa khẩu Quốc tế Dinh Bà	BCH BDBP Tỉnh		2018-2020	3124/QĐ-BQP ngày 05/8/2018 của Bộ Quốc phòng	108.000	54.000	20.000			20.000	
b	Dự án nhóm C					16.956	15.200	1.500	-	-	1.500	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	- Chốt dân quân và công trình chiến đấu	BCHQS tỉnh		2018-2020	2078/QĐ-BTL ngày 22/10/2018 của Bộ tư lệnh quân khu 9; 213/QĐ-UBND.HC ngày 01/10/2018 của UBND Tỉnh	16.956	15.200	1.500			1.500	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2020					158.673	141.600	27.600	-	-	13.697	
a	Dự án nhóm C					158.673	141.600	27.600	-	-	13.697	
1	- Đầu tư xây dựng chung trụ sở Ban CHQS xã và công an xã (hỗ trợ cấp huyện)				Huyện phê duyệt	129.000	117.000	3.000	-	-	-	
	* Hỗ trợ huyện Châu Thành					6.776	3.000	3.000	-	-	-	
	+ Trụ sở làm việc Ban CHQS và Công an thị trấn Cái Tàu Hạ (NS tỉnh hỗ trợ xây dựng trụ sở theo Mẫu số 2)	Ban QLDA & PTQĐ huyện Châu Thành	CT dân dụng cấp III	2018-2020	807/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND huyện Châu Thành	6.776	3.000	3.000				
2	- Hội trường Công an huyện Châu Thành (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND HCT		2019-2020	1901/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện	3.000	3.000	3.000			3.697	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	- Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục doanh trại Trung đoàn bộ binh 320 và Tiểu đoàn bộ binh 1 (tên cũ: Cải tạo, sửa chữa Trường Quân sự tỉnh Đồng Tháp)	Bộ CHQS Tỉnh		2019-2021	1253/QĐ-UBND.HC ngày 29/10/2019 của UBND Tỉnh	26.673	21.600	21.600			10.000	
2	Công nghệ thông tin					94.662	61.800	20.600	-	-	20.600	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020					94.662	61.800	20.600	-	-	20.600	
a	Dự án nhóm C					48.254	42.800	15.100	-	-	15.100	
1	- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành y tế tỉnh Đồng Tháp	Sở Y tế		2019-2020	1337/QĐ-UBND-HC ngày 31/10/2018 của UBND Tỉnh	29.582	26.000	13.000			13.000	
2	- Tăng cường năng lực kiểm định cho Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng Đồng Tháp (nay là Trung tâm giám định chất lượng xây dựng).	TT Giám định chất lượng xây dựng		2016-2020	Số 351/QĐ-UBND.HC ngày 30/3/2016; 827/QĐ-UBND.HC ngày 24/7/2017; 717/QĐ-UBND.HC ngày 17/7/2019; 30/QĐ-UBND.HC ngày 13/01/2020 của UBND Tỉnh	18.672	16.800	2.100			2.100	
a	Dự án nhóm B					46.408	19.000	5.500	-	-	5.500	
1	- Xây dựng hệ thống thông tin chính quyền điện tử tỉnh Đồng Tháp	Sở TTTT		2017-2020	1312/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	46.408	19.000	5.500			5.500	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	Giao thông					1.761.456	703.167	171.772	1.900	-	263.322	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020					1.653.250	637.267	122.872	-	-	214.422	
a	Dự án nhóm B					1.566.334	600.174	103.072	-	-	187.722	
1	- Đường ĐT 846 đoạn từ Tân Nghĩa đến Quốc lộ 30	Sở GTVT	cấp IV ĐB	2017-2021	1300/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	178.786	169.047	44.437			44.437	
2	- Mở rộng đường Phạm Hữu Lầu đoạn từ cầu Cái Tôm đến cống Tân Việt Hòa, TPCL	UBND TPCL	Chiều dài 1.760m	2019-2020	1331a/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2018 của UBND Tỉnh	82.473	30.000	30.000			30.000	
3	- Mở rộng mặt đường ĐT 845 đoạn Mỹ An – Trường Xuân	BQLDA ĐTXD CT giao thông Tỉnh	cấp IV ĐB	2018-2020	1314/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017, 1013/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND Tỉnh	96.830	89.900	13.625			7.790	
4	- Hệ thống giao thông kết nối hạ tầng du lịch và nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp	Sở GTVT	cấp III, cấp IV ĐB	2017-2021	1164/QĐ-UBND.HC ngày 17/10/2016; 1259/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016; 1488/QĐ-UBND.HC ngày 13/12/2017 của UBND Tỉnh	1.208.245	311.227	15.010			105.495	
b	Dự án nhóm C					86.916	37.093	19.800	-	-	26.700	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	- Mở rộng nút giao và đường kết nối ĐT 845 với tuyến N2	BQLDA ĐTXD CT giao thông Tỉnh	cấp III ĐB	2018-2020	1315/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017; 1113/QĐ-UBND-HC ngày 03/10/2019 của UBND Tỉnh	22.093	22.093	4.800			3.200	
2	- Đường bờ nam kênh Tư Mới, huyện Tháp Mười (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND HTM	Chiều dài 9,596km	2018-2020	272/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND huyện	64.823	15.000	15.000			23.500	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2020					108.206	65.900	48.900	1.900	-	48.900	
a	Dự án nhóm C					108.206	65.900	48.900	1.900	-	48.900	
1	- Đường kết nối vào nhà máy tái chế bùn thải khu bãi rác Đập Đá, huyện Cao Lãnh	UBND HCL		2019-2020	512/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND huyện	3.243	2.900	2.900	1.900		2.900	
2	-Tuyến đường nối vào cầu và đèn bù, giải phóng mặt bằng cầu Nguyễn Huệ (NS tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND HCT		2019-2020	1908/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện	22.566	20.000	20.000			20.000	
3	- Nâng cấp cải tạo đường vào lò giết mổ gia súc, gia cầm An Bình, huyện Cao Lãnh (NS tỉnh hỗ trợ mục tiêu cho huyện)	UBND HCL		2018-2020	542/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của UBND huyện	9.025	7.000	7.000			7.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	- Ba tuyến đường xung quanh trường THCS Nguyễn Chí Thanh, thành phố Cao Lãnh (NS tính hỗ trợ mục tiêu cho thành phố)	UBND TPCL		2019-2020	639/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của UBND TPCL	14.870	8.000	8.000			8.000	
5	- Đường kết nối ĐT853 (Đồng Tháp) – ĐT908 (Vĩnh Long) (NS tính hỗ trợ mục tiêu cho huyện)	UBND HCT		2019-2020	1907/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện	58.502	28.000	11.000			11.000	
4	Hạ tầng đô thị - công nghiệp, TMDL					546.430	392.838	159.885	-	-	40.705	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020					352.126	248.838	15.885	-	-	9.705	
a	Dự án nhóm B					352.126	248.838	15.885	-	-	9.705	
1	- Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp	BQL Khu kinh tế ĐT		2013-2019	Số 1075/QĐ-UBND.HC ngày 28/10/2013; 244a/QĐ-UBND.HC ngày 13/03/2018; 1512/QĐ-UBND.HC ngày 07/12/2018 của	159.438	159.438	1.000			1.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	- Hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp (giai đoạn 2)	BQL Khu kinh tế ĐT		2016-2020	1213/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015; 1354/QĐ-UBND.HC ngày 08/11/2017 của UBND Tỉnh	132.688	57.000	13.385			7.205	
3	- Hạ tầng phát triển du lịch sinh thái bền vững Vườn quốc gia Tràm Chim, giai đoạn 2016-2020	VQG Tràm Chim		2016-2020	1225/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	60.000	32.400	1.500			1.500	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2020					194.304	144.000	144.000	-	-	31.000	
a	Dự án nhóm B					194.304	144.000	144.000	-	-	31.000	
1	- Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp 2			2018-2020	1147/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND Tỉnh	194.304	144.000	144.000	-	-	31.000	
	+ Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp 2 (phần xây dựng)	Trung tâm đầu tư và khai thác hạ tầng (Ban Quản lý Khu kinh tế)						11.000			31.000	
	+ Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp 2 (phần đền bù)	UBND HCL						133.000				
5	Khoa học công nghệ					28.873	25.986	6.500	-	-	-	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020					28.873	25.986	6.500	-	-	-	



TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
<i>a</i>	<i>Dự án nhóm C</i>					<i>28.873</i>	<i>25.986</i>	<i>6.500</i>	-	-	-	
1	- Mua sắm thiết bị kiểm định, kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước, giai đoạn 2016-2020	Sở KHCN		2016-2020	1185/QĐ-UBND.HC ngày 21/10/2016 của UBND Tỉnh	28.873	25.986	6.500				
<b>6</b>	<b>Nông nghiệp và PTNT</b>					<b>204.286</b>	<b>53.550</b>	<b>29.000</b>	-	-	<b>15.900</b>	
<b>(1)</b>	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020</b>					<b>196.761</b>	<b>46.850</b>	<b>22.300</b>	-	-	<b>9.200</b>	
<i>a</i>	<i>Dự án nhóm B</i>					<i>196.761</i>	<i>46.850</i>	<i>22.300</i>	-	-	<i>9.200</i>	
1	- Kè Hồ Cự, xã Hòa An, TPCL	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT Tỉnh		2018-2020	873/QĐ-UBND-HC ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Tháp	135.927	13.100	13.100				
2	- Bảo tồn và phát triển Vườn quốc gia Tràm Chim (GD 2016-2020) - Khu RAMSAR	VQG Tràm Chim		2016-2020	1212/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh	60.834	33.750	9.200			9.200	
<b>(1)</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2020</b>					<b>7.525</b>	<b>6.700</b>	<b>6.700</b>	-	-	<b>6.700</b>	
<i>a</i>	<i>Dự án nhóm C</i>					<i>7.525</i>	<i>6.700</i>	<i>6.700</i>	-	-	<i>6.700</i>	
1	- Dự án Trại thực nghiệm trực thuộc Trung tâm bảo tồn và phát triển sinh vật (nay là Trại bảo tồn sinh và phát triển sinh vật) Vườn Quốc gia Tràm Chim	VQG Tràm Chim		2017-2021	Số 1220/QĐ-UBND.HC ngày 28/10/2016 và số 457/QĐ-UBND.HC ngày 13/4/2020 của UBND Tỉnh	7.525	6.700	6.700			6.700	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
7	Quản lý Nhà nước					607.382	366.916	143.394	4.500	-	167.200	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020					596.403	357.116	133.594	4.500	-	161.900	
a	Dự án nhóm B					546.591	315.000	117.694	4.500	-	140.000	
1	- Trung tâm Hành chính công và khối trụ sở các đơn vị sự nghiệp tỉnh Đồng Tháp	BQLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh		2018-2020	1326/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2018 của UBND Tỉnh	149.300	50.000	25.000			54.000	
2	- Xây dựng Trụ sở UBND cấp xã tỉnh Đồng Tháp (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND cấp huyện	36 trụ sở	2017-2019	1251/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	245.266	180.000	7.694			1.000	
	* Phân bổ chi tiết như sau:											
2.1	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Hồng Ngự thực hiện đầu tư					6.813	5.000	1.000	-	-	1.000	
	- Trụ sở UBND xã Thường Thới Hậu A (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND HHN	CT dân dụng cấp III	2017-2019	1251/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	6.813	5.000	1.000			1.000	
2.2	Đang rà soát chuẩn bị phân bổ					6.694	6.694	6.694				
3	- Xây dựng Trụ sở UBND cấp xã tỉnh Đồng Tháp (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND cấp huyện	36 trụ sở	2019-2020	34/UBND-ĐTXD ngày 22/01/2019 và số 154/UBND-ĐTXD ngày 16/4/2019 của UBND Tỉnh	152.025	85.000	85.000	4.500	-	85.000	
	* Phân bổ chi tiết như sau:					152.025	85.000	85.000	4.500	-	85.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3.1	Hỗ trợ có mục tiêu cho thị xã Hồng Ngự thực hiện đầu tư					6.606	5.000	5.000	2.000	-	5.000	
	- Trụ sở UBND xã An Bình B (hạng mục xây dựng Trụ sở)	UBND TX HN	CT dân dụng cấp III	2019-2020	327/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của thị xã Hồng Ngự	6.606	5.000	5.000	2.000		5.000	
3.2	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Tân Hồng thực hiện đầu tư					8.879	5.000	5.000	-	-	5.000	
	- Trụ sở UBND xã Tân Thành A (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND HTH	CT dân dụng cấp III	2019-2020	310/QĐ-UBND.XDCB ngày 04/9/2019 của UBND huyện	8.879	5.000	5.000			5.000	
3.3	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Tam Nông thực hiện đầu tư					6.306	5.000	5.000	2.500	-	5.000	
	- Trụ sở UBND xã Tân Công Sinh (hạng mục xây dựng Trụ sở)	UBND HTN	CT dân dụng cấp III	2019-2020	1483/QĐ-UBND-HC ngày 01/10/2019 của UBND huyện	6.306	5.000	5.000	2.500		5.000	
3.4	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Thanh Bình thực hiện đầu tư					23.335	15.000	15.000	-	-	15.000	
	- Trụ sở UBND xã Phú Lợi (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND HTB	CT dân dụng cấp III	2019-2020	271/QĐ-UBND.HC ngày 09/10/2019 của UBND huyện	6.813	5.000	5.000			5.000	
	- Trụ sở UBND xã Tân Quới (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND HTB	CT dân dụng cấp III	2019-2020	273/QĐ-UBND.HC ngày 09/10/2019 của UBND huyện	6.813	5.000	5.000			5.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	- Trụ sở UBND xã Tân Phú (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND HTB	CT dân dụng cấp III	2018-2020	261/QĐ-UBND.HC ngày 25/9/2019 của UBND huyện	9.709	5.000	5.000			5.000	
3.5	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Cao Lãnh thực hiện đầu tư					32.060	10.000	10.000	-	-	10.000	
	- Trụ sở UBND xã Mỹ Long (hạng mục xây dựng Trụ sở)	UBND HCL	CT dân dụng cấp III	2019-2020	Số 203/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND huyện (Đ/c)	15.686	5.000	5.000			5.000	
	- Trụ sở UBND xã Bình Hàng Tây (hạng mục xây dựng Trụ sở)	UBND HCL	CT dân dụng cấp III	2019-2020	Số 176/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của UBND huyện (Đ/c)	16.374	5.000	5.000			5.000	
3.6	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Lấp Vò thực hiện đầu tư					13.692	10.000	10.000	-	-	10.000	
	- Trụ sở UBND xã Mỹ An Hưng B (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND huyện Lấp Vò	CT dân dụng cấp III	2019-2020	655/QĐ-UBND.HC ngày 04/9/2019 của UBND huyện	6.853	5.000	5.000			5.000	
	- Trụ sở UBND xã Mỹ An Hưng A (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND huyện Lấp Vò	CT dân dụng cấp III	2019-2021	745/QĐ-UBND.HC ngày 02/10/2019 của UBND huyện	6.839	5.000	5.000			5.000	
3.7	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Lai Vung thực hiện đầu tư					16.753	10.000	10.000	-	-	10.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	- Trụ sở UBND xã Long Hậu (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND huyện Lai Vung	CT dân dụng cấp III	2019-2020	327/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện	6.813	5.000	5.000			5.000	
	- Trụ sở UBND xã Phong Hòa (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND huyện Lai Vung	CT dân dụng cấp III	2019-2021	326/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện	9.940	5.000	5.000			5.000	
3.8	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Châu Thành thực hiện đầu tư					17.081	10.000	10.000	-	-	10.000	
	- Trụ sở UBND xã Tân Phú Trung (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND HCT	CT dân dụng cấp III	2019-2021	1897/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện	8.713	5.000	5.000			5.000	
	- Trụ sở UBND xã Hòa Tân (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND HCT	CT dân dụng cấp III	2019-2021	1896/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện	8.368	5.000	5.000			5.000	
3.9	Hỗ trợ có mục tiêu cho Thành phố Cao Lãnh thực hiện đầu tư					13.905	5.000	5.000	-	-	5.000	
	- Trụ sở UBND xã Mỹ Ngãi (hạng mục xây dựng Trụ sở)	UBND TP Cao Lãnh	CT dân dụng cấp III	2019-2020	557/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND thành phố	13.905	5.000	5.000			5.000	
3.10	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Hồng Ngự thực hiện đầu tư					13.408	10.000	10.000	-	-	10.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	- Trụ sở UBND xã Long Khánh A (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND HHN	CT dân dụng cấp III	2019-2020	2996/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND huyện	6.526	5.000	5.000			5.000	
	- Trụ sở UBND xã Long Khánh B (hạng mục xây dựng trụ sở)	UBND HHN	CT dân dụng cấp III	2019-2020	2997/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND huyện	6.882	5.000	5.000			5.000	
<b>b</b>	<b>Dự án nhóm C</b>					<b>49.812</b>	<b>42.116</b>	<b>15.900</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>21.900</b>	
1	- Hội trường Tỉnh ủy Đồng Tháp	VP Tỉnh ủy		2019-2020	1330/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2018; số 1240/QĐ-UBND.HC ngày 11/8/2020 của UBND Tỉnh	24.616	24.616	8.400			11.400	
2	- Trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND HCT		2018-2020	826/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND Huyện	16.203	9.000	3.000			6.000	
3	- Trụ sở làm việc Khối vận huyện Cao Lãnh (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND HCL		2018-2020	550/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 655/QĐ-UBND ngày 29/12/2018 của UBND huyện	8.993	8.500	4.500			4.500	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2020					<b>10.979</b>	<b>9.800</b>	<b>9.800</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.300</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm C</b>					<b>10.979</b>	<b>9.800</b>	<b>9.800</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.300</b>	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	- Dự án Cải tạo, bảo trì Khối A nhà ở công vụ Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh	Sở XD		2020	Số 419/QĐ-UBND.HC ngày 09/4/2020 của UBND Tỉnh	5.351	5.300	5.300			5.300	
2	- Trụ sở làm việc Ban quản lý Khu di tích Xẻo Quýt	Sở VHTT&DL		2018-2020	1262/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2019 của UBND Tỉnh	5.628	4.500	4.500				
8	Văn hóa - Xã hội					43.649	39.609	21.200	-	-	8.185	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020					20.806	18.725	12.000	-	-	5.000	
a	Dự án nhóm C					20.806	18.725	12.000	-	-	5.000	
1	- Kho hiện vật Bảo tàng tổng hợp Đồng Tháp	BQLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh		2018-2020	1325/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2018 của UBND Tỉnh	20.806	18.725	12.000			5.000	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2020					22.843	20.884	9.200	-	-	3.185	
a	Dự án nhóm C					22.843	20.884	9.200	-	-	3.185	
1	- Các khu du lịch trọng điểm: Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc, Khu du lịch Xẻo Quýt	Sở VHTT&DL		2018-2020	1263/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2019 của UBND Tỉnh	19.593	17.634	6.000			1.000	
2	- Chỉ dẫn thông tin, địa điểm du lịch	Sở VHTT&DL		2018-2020	1261/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2019 của UBND Tỉnh	3.250	3.250	3.200			2.185	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
9	Thanh toán chi phí tất toán công trình hoàn thành					90.000	40.000	14.788			9.000	(*)
III	Các dự án bổ sung					85.229	69.000	-	-	-	65.000	
1	Giao thông					41.398	29.500	-	-	-	29.500	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020					26.482	22.000	-	-	-	22.000	
a	Dự án nhóm C					26.482	22.000	-	-	-	22.000	
	Nâng cấp hạ tầng giao thông vào khu di tích Bắc Dầu - Khu di sản tập quán sự huyện Thanh Bình; hạng mục: Cầu BìnhThành 4, nút vòng xoay và đường vào khu di tích Bắc Dầu (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND HTB		2020-2022	Số 185/QĐ-UBND.HC ngày 28/7/2020 của UBND huyện	11.634	11.000				11.000	
	Đường bờ Đông kênh Cái Bèo (hỗ trợ mục tiêu)	UBND HTM		2020-2021	Số 428/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 và 2507/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 (Đ/c) của UBND huyện	14.848	11.000				11.000	
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020					14.916	7.500	-	-	-	7.500	
a	Dự án nhóm C					14.916	7.500	-	-	-	7.500	



TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Nâng cấp, mở rộng mặt đường đoạn bên xe khu du lịch Gáo Giồng đến khu du lịch Gáo Giồng (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND HCL	Dài 4,2Km; thảm nhựa mặt đường	2020	593/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND huyện	14.916	7.500				7.500	
2	Quản lý Nhà nước					6.822	5.000	-	-	-	1.000	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2020					6.822	5.000	-	-	-	1.000	
a	Dự án nhóm C					6.822	5.000	-	-	-	1.000	
1	- Trụ sở UBND xã Tân Thành, huyện Lai Vung (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND Lai Vung		2018-2019	227/QĐ-UBND-XDCB ngày 25/10/2017 của UBND huyện	6.822	5.000				1.000	
3	Hạ tầng đô thị - công nghiệp, TMDL					37.009	34.500	-	-	-	34.500	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2020					37.009	34.500	-	-	-	34.500	
a	Dự án nhóm C					37.009	34.500	-	-	-	34.500	
1	Nâng cấp các tuyến đường thuộc Khu 500 căn (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND TPCL	Thảm nhựa mặt đường; cải tạo bó vỉa, hố ga, hố thu nước.	2020	810/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND TPCL	11.619	11.000				11.000	
2	Nâng cấp các tuyến đường thuộc Khu dân cư Rạch Chanh (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND TPCL	Thảm nhựa mặt đường; cải tạo bó vỉa, hố ga, hố thu nước.	2020	811/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND TPCL	9.735	9.000				9.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	Nâng cấp các tuyến đường thuộc địa phận phường Mỹ Phú (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND TPCL	Thâm nhựt mặt đường; cải tạo bó vỉa, hố ga, hố thu nước.	2020	822/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND TPCL	7.681	7.000				7.000	
4	Đường Nguyễn Minh Trí	UBND HCL	Dài 1,529Km	2020-2021	303/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 của UBND huyện	7.974	7.500				7.500	
						-	-	-				

Ghi chú

(\*): Giao Sở Tài chính phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan phân khai chi tiết, trình UBND Tỉnh quyết định.